TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1469 /2026/DS-ST
Ngày: 16 - 07 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đặng Văn Ẩn;

2- Bà Lê Thị Hạnh Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 07 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 670/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2198/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 05 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2832/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V**; Địa chỉ trụ sở chính: Số H đường L, phường Đ (phường L, quận Đ cũ), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng (V1): Ông **Ngô Chí D**, sinh năm: 1968; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Ngô Chí D ủy quyền cho ông **Hà Xuân S**, chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân 6 (theo Văn bản ủy quyền số: 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025).

Ông Hà Xuân S ủy quyền lại cho ông **Vũ Đức H**, ông **Trần Văn T**, ông **Trần Lâm N**. Địa chỉ: Tầng F, Số A đường L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số: 2502/2026/UQ-KHCN ngày 25/02/2026). (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Trần Nguyễn N1**, sinh năm: 1990. (Vắng mặt)

Căn cước công dân: 079090xxxxxx, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp 09/04/2021.

Địa chỉ: Số A đường H, phường P (Phường A, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có ông Trần Văn T, ông Trần Lâm N trình bày như sau:

Ông Trần Nguyễn N1 có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) theo hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ LN2403182069059, ký ngày 18/03/2024. Hạn mức vay: 100.000.000 đồng; mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất cho vay trong hạn: 28%/năm; thời hạn vay: 24 tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khách hàng đã quá hạn thanh toán nợ gốc và lãi vay cho V1 từ ngày 10/02/2025, ông N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Do ông N1 đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông Trần Nguyễn N1 thanh toán ngay cho V1 toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày 16/07/2026 là 99.801.891 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 38.864.251 đồng), ngoài ra ông N1 còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận kể từ ngày 17/07/2026 cho đến khi trả hết số nợ vay cho Ngân hàng V1.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

Bị đơn – ông Trần Nguyễn N1 đã được Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tống đạt tại địa chỉ: số A đường H, phường P (Phường A, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử, ông Trần Nguyễn N1 không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông Trần Nguyễn N1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Trần Nguyễn N1, địa chỉ cư trú tại phường P (Phường A, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn – ông Trần Nguyễn N1 vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định là Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 để giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn – ông Trần Nguyễn N1 phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày 16/07/2026 là 99.801.891 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 38.864.251 đồng), ngoài ra ông N1 còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận kể từ ngày 17/07/2026 cho đến khi trả hết số nợ vay cho Ngân hàng V1.

[5] Theo kết quả Thông tin Công dân từ Hệ thống Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư thì bị đơn – Trần Nguyễn N1 có nơi ở hiện tại: số A đường H, khu phố E, phường P (Phường A, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn vắng mặt không đến Tòa án, không nộp tài liệu, văn bản cũng như không trình bày ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên được coi là từ bỏ quyền trình bày của mình trước Toà án.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Tại Giấy đăng ký kiêm theo hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ LN2403182069059,

ký ngày 18/03/2024. Hạn mức vay: 100.000.000 đồng; mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất cho vay trong hạn: 28%/năm; thời hạn vay: 24 tháng. Đến ngày 10/02/2025, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở xem xét.

[8] Bị đơn không liên hệ nguyên đơn để thương lượng thỏa thuận giải quyết số nợ còn thiếu, kéo dài thời gian trả nợ, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình coi như từ bỏ quyền trình bày của mình tại phiên tòa. Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 16/07/2026 là 99.801.891 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 38.864.251 đồng), ngoài ra bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận kể từ ngày 17/07/2026 cho đến khi trả hết số nợ vay cho nguyên đơn.

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

- Buộc ông Trần Nguyễn N1 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 99.801.891 đồng (Chín mươi chín triệu, tám trăm linh một nghìn, tám trăm chín mươi mốt đồng) (Trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 38.864.251 đồng).

- Kể từ ngày 17/07/2026 ông Trần Nguyễn N1 còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả hết số nợ vay tín dụng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

- Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện việc giao nhận tiền tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí:

Ông Trần Nguyễn N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.990.095 đồng (Bốn triệu, chín trăm chín mươi nghìn, không trăm chín mươi lăm đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (Huỳnh Quốc T1 nộp thay) 1.955.611 đồng (Một triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm mười một đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004307 ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cutìhành án, tự nguyện thì hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 34 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (5);
- TAND TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

Ôn Kim Chi

2 000024 423203